

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT KÊ KHAI ĐĂNG KÝ THUỘC THÔN TRIỆU THÁI, XÃ THANH MIỆN

STT	Họ và tên người đại diện kê khai đơn đăng ký	Xứ Đồng	Thôn	Số lô	Số thửa đất theo sơ đồ giải thửa	Diện tích (m2)	Loại đất
1	PHẠM VĂN HOAN	Đường Chốn	Triệu Thái	1	1	529	LUC
2	PHẠM QUANG HIỆU	Đường Chốn	Triệu Thái	1	2	1005	LUC
3	TRIỆU CÔNG PHỒNG	Đường Chốn	Triệu Thái	1	3	299	LUC
4	TRIỆU DUY CUỘN	Đường Chốn	Triệu Thái	1	4	830	LUC
5	VŨ VĂN ĐÓ (PHƯƠNG)	Đường Chốn	Triệu Thái	1	5	1128	LUC
6	TRIỆU DUY THỦ	Đường Chốn	Triệu Thái	1	6	612	LUC
7	VŨ VĂN ĐỘNG	Đường Chốn	Triệu Thái	1	7	564	LUC
8	PHẠM QUANG ĐIỀN	Đường Chốn	Triệu Thái	1	8	188	LUC
9	PHẠM QUANG ĐIỀN	Đường Chốn	Triệu Thái	1	9	612	LUC
10	NGUYỄN THỊ NGÂN	Đường Chốn	Triệu Thái	1	10	564	LUC
11	VŨ VĂN CHUÂN	Đường Chốn	Triệu Thái	1	11	696	LUC
12	VŨ THỊ DÂM (THÍCH+ GHI)	Đường Chốn	Triệu Thái	1	12	904	LUC
13	VŨ VĂN ĐẠO	Đường Chốn	Triệu Thái	1	13	313	LUC
14	VŨ VĂN THÀ	Đường Chốn	Triệu Thái	1	14	956	LUC
15	ĐOÀN THỊ ĐỀ	Đường Chốn	Triệu Thái	1	15	2502	LUC
16	PHẠM QUANG HIỆU	Đường Chốn	Triệu Thái	1	16	1203	LUC
17	PHẠM QUANG HUY	Đường Chốn	Triệu Thái	1	17	915	LUC
18	VŨ VĂN NHẬT	Đường Chốn	Triệu Thái	1	18	1549	LUC
19	PHẠM QUANG VỊNH(DOANH)	Đường Chốn	Triệu Thái	1	19	1215	LUC
20	VŨ VĂN ĐUA	Đường Chốn	Triệu Thái	2	1	743	LUC
21	VŨ THỊ QUẾ	Đường Chốn	Triệu Thái	2	2	564	LUC
22	VŨ VĂN TUYẾN	Đường Chốn	Triệu Thái	2	3	720	LUC
23	VŨ THỊ YẾN	Đường Chốn	Triệu Thái	2	4	744	LUC
24	VŨ VĂN QUỲ	Đường Chốn	Triệu Thái	2	5	1128	LUC
25	NGUYỄN THỊ CƯ	Đường Chốn	Triệu Thái	2	6	864	LUC
26	VŨ THỊ CHẨM	Đường Chốn	Triệu Thái	2	7	648	LUC
27	VŨ ĐỨC LÂM	Đường Chốn	Triệu Thái	2	8	740	LUC
28	TRIỆU DUY TOÀN (TÙNG)	Đường Chốn	Triệu Thái	2	9	1344	LUC
29	TRIỆU DUY SANG	Đường Chốn	Triệu Thái	2	10	940	LUC
30	PHẠM QUỐC VIN	Đường Chốn	Triệu Thái	2	11	851	LUC
31	NGUYỄN THỊ CHÁT	Đường Chốn	Triệu Thái	2	12	940	LUC
32	TRẦN ĐÌNH ỨT	Đường Chốn	Triệu Thái	2	13	678	LUC
33	VŨ VĂN TỬ	Đường Chốn	Triệu Thái	2	14	932	LUC
34	ĐOÀN MINH THẨM(THANH)	Đường Chốn	Triệu Thái	2	15	701	LUC
35	HỒ THỊ XÒE	Đường Chốn	Triệu Thái	2	16	1080	LUC
36	TRIỆU DUY KỶ	Đường Chốn	Triệu Thái	2	17	624	LUC
37	VŨ VĂN THÀ	Đường Chốn	Triệu Thái	2	18	207	LUC
38	VŨ VĂN BA(VỸ)	Đường Chốn	Triệu Thái	2	19	1836	LUC
39	PHẠM THỊ NGÂN	Đường Chốn	Triệu Thái	2	20	762	LUC
40	TRIỆU DUY NON	Đường Chốn	Triệu Thái	2	21	762	LUC
41	LÊ VĂN NGẠI	Đường Chốn	Triệu Thái	2	22	1848	LUC
42	VŨ THANH HẢI(VÂN)	Đường Chốn	Triệu Thái	2	23	1404	LUC
43	TRIỆU DUY KHÁNH	Đường Chốn	Triệu Thái	2	24	1938	LUC
44	TRIỆU CÔNG ME	Mả Ốc	Triệu Thái	1	1	217	LUC
45	PHẠM THỊ MẠCH	Mả Ốc	Triệu Thái	1	2	348	LUC
46	PHẠM THỊ MỠ(ĐIỆN)	Mả Ốc	Triệu Thái	1	3	1202	LUC
47	TRIỆU CÔNG BẰNG	Mả Ốc	Triệu Thái	1	4	516	LUC
48	PHẠM THỊ MẠCH	Mả Ốc	Triệu Thái	1	5	718	LUC
49	LÊ THỊ NỤ	Mả Ốc	Triệu Thái	1	6	1120	LUC
50	TRIỆU DUY CUỜNG	Mả Ốc	Triệu Thái	1	7	1075	LUC
51	LÊ THỊ BÌNH(SỸ)	Mả Ốc	Triệu Thái	1	8	1335	LUC

52	PHẠM QUANG THẠCH	Mã Ốc	Triệu Thái	1	9	840	LUC
53	NGUYỄN TRỌNG TÂM	Mã Ốc	Triệu Thái	1	10	1400	LUC
54	VŨ VĂN TÍNH	Mã Ốc	Triệu Thái	1	11	424	LUC
55	VŨ VĂN TÍNH	Mã Ốc	Triệu Thái	1	12	976	LUC
56	PHẠM TIẾN THẮNG	Mã Ốc	Triệu Thái	1	13	668	LUC
57	VŨ VĂN KHUYẾN	Mã Ốc	Triệu Thái	1	14	711	LUC
58	TRIỆU DUY NON	Mã Ốc	Triệu Thái	1	15	1113	LUC
59	PHẠM TIẾN THỂ	Mã Ốc	Triệu Thái	1	16	518	LUC
60	PHẠM TIẾN THỂ	Mã Ốc	Triệu Thái	1	17	876	LUC
61	VŨ THỊ NGỪNG	Trình	Triệu Thái	1	1	127,8	LUC
62	VŨ VĂN QUỶ	Trình	Triệu Thái	1	2	73,7	LUC
63	PHẠM TIẾN THANH	Trình	Triệu Thái	1	3	26	LUC
64	TRIỆU DUY THỦ(KHUYẾN)	Trình	Triệu Thái	1	4	96	LUC
65	PHẠM QUANG ĐIỆN	Trình	Triệu Thái	1	5	144	LUC
66	PHẠM THỊ NGÀ	Trình	Triệu Thái	1	6	180	LUC
67	VŨ VĂN NHAM	Trình	Triệu Thái	1	7	288	LUC
68	PHẠM THỊ MỖ(ĐIỆN)	Trình	Triệu Thái	1	8	171	LUC
69	VŨ VĂN TÍNH	Trình	Triệu Thái	1	9	118	LUC
70	VŨ VĂN HỌC	Trình	Triệu Thái	1	10	144	LUC
71	NGUYỄN THỊ HUƠNG(CỎ)	Trình	Triệu Thái	1	11	144	LUC
72	TRIỆU CÔNG HÀ	Trình	Triệu Thái	1	12	240	LUC
73	TRIỆU DUY NON	Trình	Triệu Thái	1	13	240	LUC
74	PHẠM TIẾN THẮNG	Trình	Triệu Thái	1	14	96	LUC
75	PHẠM VĂN MẬT (TÂN)	Trình	Triệu Thái	1	15	336	LUC
76	NGUYỄN CÔNG NGỌC	Trình	Triệu Thái	1	16	174	LUC
77	TRIỆU DUY CƯỜNG	Trình	Triệu Thái	1	17	179	LUC
78	NGUYỄN THỊ DOAN	Trình	Triệu Thái	1	18	129	LUC
79	VŨ VĂN NGOI	Trình	Triệu Thái	2	1	50,7	LUC
80	VŨ VĂN ĐỘNG	Trình	Triệu Thái	2	2	26	LUC
81	PHÙNG TIẾN THẠO	Trình	Triệu Thái	2	3	230	LUC
82	VŨ ĐỨC QUÂN	Trình	Triệu Thái	2	4	192	LUC
83	NGUYỄN HỮU ĐỨC	Trình	Triệu Thái	2	5	246	LUC
84	NGUYỄN THỊ LAN	Trình	Triệu Thái	2	6	144	LUC
85	VŨ TRUNG DŨNG(HIỆP)	Trình	Triệu Thái	2	7	480	LUC
86	TRIỆU THỊ BÈ	Trình	Triệu Thái	2	8	96	LUC
87	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	Trình	Triệu Thái	2	9	144	LUC
88	TRIỆU DUY KHÁNH	Trình	Triệu Thái	2	10	187	LUC
89	VŨ THỊ HỒNG NHUNG (TOÁN)	Trình	Triệu Thái	2	11	130	LUC
90	PHẠM THỊ VÂN	Trình	Triệu Thái	2	12	49,4	LUC
91	PHẠM QUANG HIỆU	Trình	Triệu Thái	2	13	192	LUC
92	BUI THỊ PHƯƠNG(ĐÓ)	Trình	Triệu Thái	2	14	288	LUC
93	PHẠM THỊ PHƯƠNG(NGƯU)	Trình	Triệu Thái	2	15	137,5	LUC
94	TRIỆU DUY MÃO	Trình	Triệu Thái	2	16	137,5	LUC
95	TRIỆU CÔNG CHÚC	Trình	Triệu Thái	2	17	37	LUC
96	PHẠM THỊ BÔNG(PHÁN)	LỖN	Triệu Thái	1	1	1080	LUC
97	TRIỆU CÔNG SỊCH	LỖN	Triệu Thái	1	2	846	LUC
98	TRIỆU DUY MAO	LỖN	Triệu Thái	1	3	884	LUC
99	VŨ VĂN KHÂM	LỖN	Triệu Thái	1	4	1170	LUC
100	TRIỆU THỊ GAO(THỨC)	LỖN	Triệu Thái	1	5	966	LUC
101	VŨ VĂN BA(BÁCH)	LỖN	Triệu Thái	1	6	966	LUC
102	TRIỆU DUY THỰC	LỖN	Triệu Thái	1	7	1092	LUC
103	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG(MÊN)	LỖN	Triệu Thái	1	8	735	LUC
104	PHẠM THỊ CẨM(NGẮM)	LỖN	Triệu Thái	1	9	291	LUC
105	PHẠM THỊ CỘNG	LỖN	Triệu Thái	1	10	481	LUC

106	ĐOÀN THỊ LUYẾN	LỢN	Triệu Thái	2	1	1170	LUC
107	VŨ VĂN TUẤN	LỢN	Triệu Thái	2	2	1377	LUC
108	NGUYỄN VĂN CHUỆ	LỢN	Triệu Thái	2	3	702	LUC
109	NGUYỄN THỊ HƯỜNG(CỎ)	LỢN	Triệu Thái	2	4	732	LUC
110	NGUYỄN TRỌNG HIẾU(DIỆN)	LỢN	Triệu Thái	2	5	1415	LUC
111	VŨ THỊ BÀN(ĐẠT)	LỢN	Triệu Thái	2	6	1434	LUC
112	PHAN TỬ ĐẠI(PHÚ)	LỢN	Triệu Thái	2	7	494	LUC
113	VŨ VĂN NGOI	LỢN	Triệu Thái	2	8	1092	LUC
114	PHẠM THỊ BÔNG(PHÁN)	LỢN	Triệu Thái	2	9	486	LUC
115	VŨ THỊ QUY	LỢN	Triệu Thái	2	10	760	LUC
116	NGUYỄN THỊ DOAN	LỢN	Triệu Thái	2	11	1572	LUC
117	VŨ VĂN ĐỘNG	CẦU	Triệu Thái	1	1	7337	LUC
118	TRIỆU DUY THỦ(KHUYÊN)	CẦU	Triệu Thái	1	2	840	LUC
119	BUI THỊ PHƯƠNG(ĐỎ)	CẦU	Triệu Thái	1	3	1680	LUC
120	TRIỆU DUY CUỘN	CẦU	Triệu Thái	1	4	1460	LUC
121	TRIỆU CÔNG PHỒNG	CẦU	Triệu Thái	1	5	864	LUC
122	PHẠM QUANG HIẾU	CẦU	Triệu Thái	1	6	1400	LUC
123	PHẠM VĂN HOAN	CẦU	Triệu Thái	1	7	900	LUC
124	TRIỆU DUY KỶ	CẦU	Triệu Thái	1	8	840	LUC
125	HỒ THỊ XÒE	CẦU	Triệu Thái	1	9	1788	LUC
126	ĐOÀN MINH THẨM(THANH)	CẦU	Triệu Thái	1	10	1459	LUC
127	VŨ VĂN TỬ	CẦU	Triệu Thái	1	11	1260	LUC
128	TRẦN ĐÌNH ÚT	CẦU	Triệu Thái	1	12	1260	LUC
129	NGUYỄN THỊ CHÁT	CẦU	Triệu Thái	1	13	1400	LUC
130	VŨ VĂN VƯƠNG	CẦU	Triệu Thái	2	1	752	LUC
131	VŨ THỊ NGỪNG	CẦU	Triệu Thái	2	2	1000	LUC
132	TRẦN THỊ NHƯỜNG	CẦU	Triệu Thái	2	3	867	LUC
133	VŨ VĂN NƠI(XUYẾN)	CẦU	Triệu Thái	2	4	590	LUC
134	PHẠM QUANG ĐIỆN	CẦU	Triệu Thái	2	5	540	LUC
135	PHẠM QUANG DIỄN	CẦU	Triệu Thái	2	6	280	LUC
136	NGUYỄN THỊ NGÂN(VUỘNG)	CẦU	Triệu Thái	2	7	840	LUC
137	VŨ ĐẠI CHUÂN	CẦU	Triệu Thái	2	8	1120	LUC
138	VŨ THỊ DÂM(GHI)	CẦU	Triệu Thái	2	9	1400	LUC
139	VŨ VĂN VƯƠNG	CẦU	Triệu Thái	2	10	1120	LUC
140	VŨ THỊ NGỪNG	CẦU	Triệu Thái	2	11	745	LUC
141	VŨ THỊ NGỪNG	CẦU	Triệu Thái	2	12	648	LUC
142	TRẦN THỊ NHƯỜNG	CẦU	Triệu Thái	2	13	1160	LUC
143	VŨ VĂN NƠI(XUYẾN)	CẦU	Triệu Thái	2	14	1774	LUC
144	TRIỆU DUY TOÀN	CẦU	Triệu Thái	2	15	840	LUC
145	VŨ VĂN NGOI	CẦU	Triệu Thái	2	16	1608	LUC
146	PHẠM THỊ BÔNG(PHÁN)	CẦU	Triệu Thái	2	17	1292	LUC
147	TRIỆU CÔNG CAO	CẦU	Triệu Thái	2	18	404	LUC
148	TRIỆU CÔNG PHỒNG	CẦU	Triệu Thái	2	19	344	LUC
149	TRIỆU CÔNG SỊCH	CẦU	Triệu Thái	2	20	1160	LUC
150	TRIỆU DUY MAO	CẦU	Triệu Thái	2	21	1456	LUC
151	PHẠM THỊ NỮ	CẦU	Triệu Thái	3	1	840	LUC
152	VŨ VĂN ĐẠO	CẦU	Triệu Thái	3	2	1120	LUC
153	VŨ VĂN ĐẦY	CẦU	Triệu Thái	3	3	1400	LUC
154	TRIỆU CÔNG CAO	CẦU	Triệu Thái	3	4	1400	LUC
155	TRIỆU DUY ÂN	CẦU	Triệu Thái	3	5	2240	LUC
156	NGUYỄN VĂN ẮT	CẦU	Triệu Thái	3	6	1540	LUC
157	PHẠM THỊ TOÀN(NHUNG)	CẦU	Triệu Thái	3	7	1397	LUC
158	VŨ VĂN TOÀN	CẦU	Triệu Thái	3	8	817	LUC
159	PHÙNG TIỀN NÚI	CẦU	Triệu Thái	3	9	814	LUC
160	PHẠM VĂN HIỀN	CẦU	Triệu Thái	3	10	1223	LUC

161	PHẠM THỊ NGÀ	CẦU	Triệu Thái	3	11	1884	LUC
162	TRIỆU DUY TÔI	CẦU	Triệu Thái	3	12	1650	LUC
163	VŨ VĂN ĐẠO	CẦU	Triệu Thái	3	13	492	LUC
164	PHẠM THỊ NỮ	CẦU	Triệu Thái	3	14	564	LUC
165	TRIỆU DUY TOÀN	CẦU	Triệu Thái	3	15	413	LUC
166	VŨ VĂN NOI(XUYẾN)	CẦU	Triệu Thái	3	16	242	LUC
167	TRIỆU DUY MÃO	CẦU	Triệu Thái	3	17	2340	LUC
168	TRIỆU DUY TÔI	CẦU	Triệu Thái	4	1	2154	LUC
169	TRIỆU DUY ẮN	CẦU	Triệu Thái	4	2	1274	LUC
170	TRIỆU CÔNG CAO	CẦU	Triệu Thái	4	3	290	LUC
171	TRIỆU CÔNG CAO	CẦU	Triệu Thái	4	4	662	LUC
172	VŨ VĂN ĐẤY(NGUYỆT)	CẦU	Triệu Thái	4	5	805	LUC
173	TRIỆU DUY HIỀN	CẦU	Triệu Thái	4	6	258	LUC
174	PHẠM QUANG HIỂU	CẦU	Triệu Thái	4	7	200	LUC
175	NGUYỄN TRỌNG CỬ	CẦU	Triệu Thái	4	8	1279	LUC
176	PHÙNG TIẾN NÚI	CẦU	Triệu Thái	4	9	1351	LUC
177	VŨ VĂN TỎA	CẦU	Triệu Thái	4	10	1423	LUC
178	NGUYỄN THỊ NGHỈ(LỊCH)	CẦU	Triệu Thái	4	11	1120	LUC
179	PHẠM THỊ THIẾT(LIỆU)	CẦU	Triệu Thái	4	12	1400	LUC
180	NGUYỄN THỊ NGÀ(LÊ)	CẦU	Triệu Thái	4	13	1400	LUC
181	TRIỆU DUY HIỀN	CẦU	Triệu Thái	4	14	1740	LUC
182	NGUYỄN CÔNG NGỌC	CẦU	Triệu Thái	4	15	840	LUC
183	PHẠM HỒNG TÂN (CHIẾN)	CẦU	Triệu Thái	4	16	840	LUC
184	TRIỆU THỊ BÈ	CẦU	Triệu Thái	4	17	1120	LUC
185	NGUYỄN THỊ LAN	CẦU	Triệu Thái	4	18	597	LUC
186	PHẠM VĂN TÂN(MẬT)	CẦU	Triệu Thái	5	1	2643	LUC
187	NGUYỄN VĂN ẮT	CẦU	Triệu Thái	5	2	934	LUC
188	NGUYỄN TRỌNG CỬ	CẦU	Triệu Thái	5	3	1577	LUC
189	VŨ VĂN PHAN	CẦU	Triệu Thái	5	4	1511	LUC
190	NGUYỄN VĂN GIÁP	CẦU	Triệu Thái	5	5	950	LUC
191	VŨ VĂN HỌC	CẦU	Triệu Thái	5	6	1120	LUC
192	PHÙNG TIẾN THẠO	CẦU	Triệu Thái	5	7	1120	LUC
193	ĐOÀN THỊ QUẾ	CẦU	Triệu Thái	5	8	1400	LUC
194	PHẠM QUANG VỊNH(DOANH)	CẦU	Triệu Thái	5	9	840	LUC
195	PHẠM THỊ NHƠN(MÂY)	CẦU	Triệu Thái	5	10	1120	LUC
196	TRẦN NHƯ THỂ	CẦU	Triệu Thái	5	11	1400	LUC
197	NGUYỄN THỊ LAN	CẦU	Triệu Thái	5	12	243	LUC
198	PHÙNG TIẾN CHIẾN	CẦU	Triệu Thái	6	1	1152	LUC
199	VŨ VĂN THỤY	CẦU	Triệu Thái	6	2	888	LUC
200	TRIỆU DUY THỀM	CẦU	Triệu Thái	6	3	516	LUC
201	PHẠM THỊ TOÁN(NHUNG)	CẦU	Triệu Thái	6	4	485	LUC
202	VŨ VĂN TÚ(LƯỢT)	CẦU	Triệu Thái	6	5	936	LUC
203	PHẠM VĂN PHƯƠNG(THƯƠNG)	CẦU	Triệu Thái	6	6	516	LUC
204	VŨ VĂN PHAN	CẦU	Triệu Thái	6	7	838	LUC
205	LÊ THỊ PHỖ(HÀO)	CẦU	Triệu Thái	6	8	538	LUC
206	LÊ THỊ PHỖ(HÀO)	CẦU	Triệu Thái	6	9	2015	LUC
207	NGUYỄN TRỌNG TÂM	CẦU	Triệu Thái	6	10	892	LUC
208	LÊ THỊ BÌNH	CẦU	Triệu Thái	6	11	561	LUC
209	NGUYỄN THỊ VÂN(KHOA)	CẦU	Triệu Thái	6	12	1120	LUC
210	PHẠM QUANG THẠCH	CẦU	Triệu Thái	6	13	541	LUC
211	TRIỆU DUY HOÀN(XU)	CẦU	Triệu Thái	6	14	1960	LUC
212	VŨ VĂN HOÀN	CẦU	Triệu Thái	6	15	900	LUC
213	VŨ THỊ QUY(KY)	CẦU	Triệu Thái	6	16	1400	LUC
214	ĐOÀN THỊ LUYẾN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	1	1626	LUC
215	TRIỆU THỊ THAO(CHỦI)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	2	576	LUC
216	NGUYỄN VĂN CHUỆ	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	3	1218	LUC
217	NGUYỄN THỊ HUỠNG(CÓ)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	4	1248	LUC
218	NGUYỄN TRỌNG HIỂU	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	5	1135	LUC
219	VŨ THỊ BÀNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	6	1950	LUC

220	PHAN TÚ ĐẠI(PHÓ)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	7	1168	LUC
221	VŨ THỊ GÀM(TOÀN)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	8	1602	LUC
222	NGUYỄN THỊ YÊM	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	9	1393	LUC
223	ĐÀM THỊ THU(NGỢI)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	10	1680	LUC
224	TRIỆU CÔNG HẠ(HUẾ)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	1	11	1400	LUC
225	VŨ VĂN THƯỜNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	1	1147	LUC
226	VŨ THỊ LY(CHI)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	2	576	LUC
227	VŨ TRUNG DŨNG(HIỆP)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	3	2127	LUC
228	VŨ VĂN KHÍCH	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	4	2172	LUC
229	TRIỆU DUY CẦU	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	5	1390	LUC
230	PHẠM THỊ CỘNG(KHAI)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	6	1248	LUC
231	PHẠM THỊ CẨM(NGẮM)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	7	1059	LUC
232	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG(MÈN)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	8	1203	LUC
233	TRIỆU DUY THỰC	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	9	1608	LUC
234	VŨ VĂN BA(BÁCH)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	10	1482	LUC
235	TRIỆU THỊ GẠO(THỨC)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	11	1482	LUC
236	VŨ VĂN KHÂM	KỸ THUẬT	Triệu Thái	2	12	1689	LUC
237	VŨ VĂN THƯỜNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	1	791	LUC
238	PHẠM VĂN PHƯƠNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	2	1400	LUC
239	VŨ THỊ SOI(TRƯỜNG)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	3	840	LUC
240	VŨ VĂN THƯỢNG(CẨM)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	4	1400	LUC
241	TRIỆU DUY MỪNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	5	1640	LUC
242	PHẠM TIẾN THANH	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	6	557	LUC
243	VŨ VĂN BẢO(SỐ)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	3	7	1236	LUC
244	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	1	871	LUC
245	TRIỆU THỊ HÀNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	2	1024	LUC
246	VŨ ĐỨC QUÂN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	3	1120	LUC
247	TRIỆU CÔNG CHÚC	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	4	1120	LUC
248	TRIỆU CÔNG ĐẢO	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	5	840	LUC
249	LƯƠNG THỊ NGHIỆM	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	6	840	LUC
250	TRIỆU THỊ MỸ(TẨM)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	7	1680	LUC
251	VŨ VĂN THẨM	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	8	1120	LUC
252	VŨ VĂN NHAM	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	9	1680	LUC
253	TRIỆU THỊ NGÀ	KỸ THUẬT	Triệu Thái	4	10	1680	LUC
254	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	1	1989	LUC
255	TRẦN ĐÌNH THƯỜNG	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	2	1260	LUC
256	NGUYỄN HỮU ĐỨC	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	3	1402	LUC
257	TRIỆU CÔNG ME	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	4	903	LUC
258	VŨ VĂN TÌNH	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	5	604	LUC
259	NGUYỄN THỊ VÂN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	6	686	LUC
260	TRIỆU DUY HOÀN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	7	1313	LUC
261	VŨ VĂN HOÀN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	5	8	564	LUC
262	TRIỆU CÔNG LINH	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	1	414	LUC
263	LƯƠNG THỊ NGHINH(NÊN)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	2	2180	LUC
264	VŨ VĂN THÊ	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	3	175	LUC
265	TRIỆU THỊ ĐUA(ẤN)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	4	96	LUC
266	NGUYỄN VĂN GIÁP	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	5	1009	LUC
267	VŨ VĂN TUẤN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	6	1679	LUC
268	VŨ THỊ DUNG(NĂM)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	6	7	576	LUC
269	NGUYỄN THỊ VÂN	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	1	573	LUC
270	TRIỆU THỊ ĐUA	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	2	290	LUC
271	LƯƠNG THỊ NGHINH(NÊN)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	3	275	LUC
272	LƯƠNG THỊ NGHIỆM	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	4	276	LUC
273	VŨ VĂN THÊ	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	5	252	LUC
274	NGUYỄN TIẾN LƯU	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	6	516	LUC
275	NGUYỄN VĂN GIÁP	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	7	515	LUC
276	PHẠM TIẾN THANH	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	8	495	LUC
277	VŨ TRUNG DŨNG(HIỆP)	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	9	516	LUC

278	PHẠM THỊ THÊU	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	10	265	LUC
279	PHẠM THỊ THÊU	KỸ THUẬT	Triệu Thái	7	11	253	LUC
280	PHẠM TIẾN THANH	GHE	Triệu Thái	1	1	360	LUC
281	VŨ VĂN BẢO(SỐ)	GHE	Triệu Thái	1	2	838	LUC
282	TRIỆU THỊ NGÀ	GHE	Triệu Thái	1	3	1128	LUC
283	VŨ VĂN NHAM	GHE	Triệu Thái	1	4	1128	LUC
284	VŨ VĂN THẨM	GHE	Triệu Thái	1	5	718	LUC
285	TRIỆU THỊ MỸ(CHẨM)	GHE	Triệu Thái	1	6	1128	LUC
286	TRIỆU CÔNG CHÚC	GHE	Triệu Thái	1	7	687	LUC
287	TRIỆU CÔNG ĐÀO	GHE	Triệu Thái	1	8	511	LUC
288	VŨ ĐỨC QUÂN	GHE	Triệu Thái	1	9	752	LUC
289	TRẦN ĐÌNH MỄ	GHE	Triệu Thái	1	10	752	LUC
290	TRẦN ĐÌNH MỄ	GHE	Triệu Thái	1	11	1175	LUC
291	TRẦN ĐÌNH THUỜNG	GHE	Triệu Thái	1	12	501	LUC
292	NGUYỄN HỮU ĐỨC	GHE	Triệu Thái	1	13	940	LUC
293	TRIỆU CÔNG ME	GHE	Triệu Thái	1	14	780	LUC
294	TRẦN ĐÌNH MỄ	GHE	Triệu Thái	1	15	1200	LUC
295	LÊ THỊ NỤ	GHE	Triệu Thái	1	16	752	LUC
296	TRIỆU DUY CƯỜNG	GHE	Triệu Thái	1	17	849	LUC
297	PHẠM TIẾN THẮNG	GHE	Triệu Thái	1	18	318	LUC
298	LƯƠNG THỊ NGHIÊM	GHE	Triệu Thái	2	1	245	LUC
299	TRIỆU DUY MỪNG	GHE	Triệu Thái	2	2	940	LUC
300	VŨ VĂN THUỜNG	GHE	Triệu Thái	2	3	916	LUC
301	VŨ THỊ SOI(CHƯƠNG)	GHE	Triệu Thái	2	4	577	LUC
302	PHẠM VĂN PHƯƠNG	GHE	Triệu Thái	2	5	940	LUC
303	TRIỆU CÔNG LINH	GHE	Triệu Thái	2	6	652	LUC
304	LƯƠNG THỊ NGHINH	GHE	Triệu Thái	2	7	1252	LUC
305	VŨ THỊ GÀM	GHE	Triệu Thái	2	8	929	LUC
306	NGUYỄN THỊ YÊM	GHE	Triệu Thái	2	9	479	LUC
307	ĐÀM THỊ THU	GHE	Triệu Thái	2	10	1124	LUC
308	TRIỆU CÔNG HÀ	GHE	Triệu Thái	2	11	820	LUC
309	VŨ VĂN HỌC	GHE	Triệu Thái	2	12	800	LUC
310	PHÙNG TIẾN THẠO	GHE	Triệu Thái	2	13	714	LUC
311	ĐOÀN THỊ QUẾ	GHE	Triệu Thái	2	14	940	LUC
312	TRẦN ĐÌNH MỄ(DOANH)	GHE	Triệu Thái	2	15	557	LUC
313	TRẦN ĐÌNH MỄ(MẦY)	GHE	Triệu Thái	2	16	740	LUC
314	TRẦN NHƯ THỂ	GHE	Triệu Thái	2	17	940	LUC
315	NGUYỄN THỊ LAN	GHE	Triệu Thái	2	18	340	LUC
316	VŨ THỊ BAN(BỀ)	GHE	Triệu Thái	2	19	752	LUC
317	PHẠM THỊ CỘNG	GHE	Triệu Thái	3	1	254	LUC
318	TRIỆU DUY CẦU	GHE	Triệu Thái	3	2	873	LUC
319	VŨ VĂN KHÍCH	GHE	Triệu Thái	3	3	1656	LUC
320	VŨ VĂN THỂ	GHE	Triệu Thái	3	4	81	LUC
321	TRIỆU THỊ ĐUA	GHE	Triệu Thái	3	5	48	LUC
322	LƯƠNG THỊ NGHIÊM	GHE	Triệu Thái	3	6	73	LUC
323	LƯƠNG THỊ NGHINH	GHE	Triệu Thái	3	7	79	LUC
324	NGUYỄN VĂN GIÁP	GHE	Triệu Thái	3	8	109	LUC
325	NGUYỄN THỊ VĂN	GHE	Triệu Thái	3	9	155	LUC
326	NGUYỄN TIẾN LƯU	GHE	Triệu Thái	3	10	174	LUC
327	VŨ TRUNG DỪNG	GHE	Triệu Thái	3	11	2092	LUC
328	VŨ VĂN THUỜNG	GHE	Triệu Thái	3	12	1452	LUC
329	VŨ VĂN TỎA(VUỒN)	GHE	Triệu Thái	3	13	955	LUC
330	NGUYỄN THỊ NGHỈ	GHE	Triệu Thái	3	14	752	LUC
331	PHẠM THỊ THIẾT	GHE	Triệu Thái	3	15	940	LUC
332	VŨ THỊ NGÀ	GHE	Triệu Thái	3	16	940	LUC
333	TRIỆU DUY HIỀN	GHE	Triệu Thái	3	17	1128	LUC
334	NGUYỄN CÔNG NGỌC	GHE	Triệu Thái	3	18	564	LUC
335	PHẠM HỒNG TÂN(CHIẾN)	GHE	Triệu Thái	3	19	773	LUC
336	PHẠM THỊ LIÊU	CON NGỰA	Triệu Thái	1	1	1000	LUC

337	LÊ THỊ MINH	CON NGỰA	Triệu Thái	1	2	800	LUC
338	LƯƠNG THỊ HON	CON NGỰA	Triệu Thái	1	3	936	LUC
339	LƯƠNG VĂN CỒM	CON NGỰA	Triệu Thái	1	4	893	LUC
340	LƯƠNG VĂN CỒM	CON NGỰA	Triệu Thái	2	1	893	LUC
341	TRIỆU THỊ CỎI	CON NGỰA	Triệu Thái	2	2	1200	LUC
342	VŨ VĂN NGOÀN	CON NGỰA	Triệu Thái	2	3	600	LUC
343	PHẠM HỒNG THIẾP	CON NGỰA	Triệu Thái	3	1	1000	LUC
344	ĐÌNH VĂN KIỂM	CON NGỰA	Triệu Thái	3	2	976	LUC
345	HÀ THỦY HẢO	CON NGỰA	Triệu Thái	3	3	1364	LUC
346	TRIỆU DUY PHÁCH(CÁI)	CON NGỰA	Triệu Thái	3	4	600	LUC
347	TRIỆU DUY HIỀN	CON NGỰA	Triệu Thái	3	5	400	LUC
348	NGUYỄN VĂN CHÂN	CON NGỰA	Triệu Thái	4	1	400	LUC
349	LÊ VĂN TUẤN	CON NGỰA	Triệu Thái	4	2	800	LUC
350	VŨ VĂN PHÂN	CON NGỰA	Triệu Thái	4	3	600	LUC
351	TRỊNH VĂN HUÔNG	CON NGỰA	Triệu Thái	4	4	800	LUC
352	NGUYỄN THỊ MIỀN	CON NGỰA	Triệu Thái	4	5	1580	LUC
353	TRIỆU THỊ VỎ	CON NGỰA	Triệu Thái	4	6	1590	LUC
354	TRIỆU DUY CHỈ	CON NGỰA	Triệu Thái	4	7	240	LUC
355	LÊ VĂN HOÀNG	CON NGỰA	Triệu Thái	5	1	1000	LUC
356	PHẠM MINH CƯỜNG	CON NGỰA	Triệu Thái	5	2	600	LUC
357	PHẠM THỊ QUỲNH(TỐN)	CON NGỰA	Triệu Thái	5	3	400	LUC
358	VŨ VĂN CHÍNH	CON NGỰA	Triệu Thái	5	4	800	LUC
359	TRIỆU DUY ĐIỀN	CON NGỰA	Triệu Thái	5	5	600	LUC
360	TRẦN VĂN THẢO	CON NGỰA	Triệu Thái	5	6	600	LUC
361	TRIỆU DUY ĐÔNG	CON NGỰA	Triệu Thái	5	7	200	LUC
362	TRIỆU DUY QUANG	CON NGỰA	Triệu Thái	5	8	600	LUC
363	TRIỆU QUANG LẠI	CON NGỰA	Triệu Thái	5	9	1376	LUC
364	ĐỖ THÀNH TRUNG	CON NGỰA	Triệu Thái	6	1	800	LUC
365	ĐỖ THÀNH TRUNG	CON NGỰA	Triệu Thái	6	2	600	LUC
366	ĐÌNH THỊ KHOA	CON NGỰA	Triệu Thái	6	3	1552	LUC
367	TRIỆU CÔNG HIỆN	CON NGỰA	Triệu Thái	6	4	1200	LUC
368	NGUYỄN THỊ MÙI	CON NGỰA	Triệu Thái	6	5	780	LUC
369	PHẠM THỊ HUỆ	CON NGỰA	Triệu Thái	7	1	600	LUC
370	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	7	2	1000	LUC
371	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	7	3	1000	LUC
372	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	7	4	742	LUC
373	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	8	1	458	LUC
374	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	8	2	600	LUC
375	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	8	3	800	LUC
376	PHẠM VĂN HẬU	CON NGỰA	Triệu Thái	8	4	660	LUC
377	TRIỆU DUY LƯU	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	1	1336	LUC
378	TRIỆU DUY LƯU	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	2	1000	LUC
379	TRIỆU DUY LƯU	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	3	1000	LUC
380	PHẠM QUANG LUYỆN	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	4	1200	LUC
381	PHẠM TIẾN TRỊNH	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	5	1720	LUC
382	PHẠM THỊ MÂY	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	6	600	LUC
383	PHẠM THỊ CHUI	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	7	600	LUC
384	NGUYỄN THỊ LÀI	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	8	400	LUC
385	NGUYỄN THỊ VỤ	SAU LĂNG	Triệu Thái	1	9	1716	LUC
386	ĐÌNH VĂN HOẢN	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	1	800	LUC
387	ĐÌNH VĂN XUÂN	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	2	1000	LUC
388	TRỊNH VĂN CÔNG(LEN)	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	3	800	LUC
389	TRIỆU VĂN ĐỒ	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	4	1000	LUC
390	TRIỆU THỊ VỄ	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	5	400	LUC
391	ĐỖ THÀNH TRUNG	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	6	1000	LUC
392	TRIỆU VĂN ĐẶN	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	7	600	LUC
393	PHẠM THỊ LÊ	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	8	600	LUC
394	ĐÌNH VĂN THỨ	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	9	600	LUC
395	PHẠM THỊ THÊU	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	10	800	LUC

396	PHẠM VĂN THỤ	SAU LĂNG	Triệu Thái	2	11	800	LUC
397	PHẠM VĂN CHIẾN	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	1	800	LUC
398	PHẠM THỊ CUỘC	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	2	800	LUC
399	PHẠM THỊ LƯỢT	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	3	800	LUC
400	PHẠM VĂN HỮU	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	4	800	LUC
401	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	5	1040	LUC
402	PHẠM VĂN GIỚI	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	6	792	LUC
403	PHẠM VĂN CẢNH	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	7	1200	LUC
404	LÊ THỊ TÂN	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	8	600	LUC
405	ĐÌNH VĂN LUYỆN	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	9	1336	LUC
406	PHẠM THỊ ĐIỀU	SAU LĂNG	Triệu Thái	3	10	575	LUC
407	TRỊNH VĂN LẬP	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	1	471	LUC
408	TRIỆU THỊ GÁI	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	2	800	LUC
409	LÊ THỊ THẢ	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	3	1260	LUC
410	ĐÌNH VĂN PHÚC	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	4	1000	LUC
411	PHẠM TIẾN VẠN	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	5	400	LUC
412	TRIỆU VĂN HƯỚNG	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	6	658	LUC
413	NGUYỄN THỊ TỬ	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	7	800	LUC
414	LƯƠNG VĂN SƠN	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	8	933	LUC
415	TRIỆU DUY TÁ	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	9	1200	LUC
416	ĐÌNH THỊ HÒA	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	10	800	LUC
417	PHẠM THỊ ĐIỀU	SAU LĂNG	Triệu Thái	4	11	225	LUC
418	NGUYỄN THỊ XEN	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	1	129	LUC
419	PHẠM THỊ LIỄU	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	2	992	LUC
420	PHẠM THỂ DÂN	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	3	800	LUC
421	PHẠM HỒNG QUÂN	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	4	1000	LUC
422	VŨ VĂN TRÌNH	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	5	1000	LUC
423	PHẠM VĂN CHIẾN	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	6	800	LUC
424	ĐÌNH VĂN BIÊN	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	7	600	LUC
425	PHẠM VĂN ĐIỆN	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	8	800	LUC
426	TRIỆU DUY THANH	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	9	640	LUC
427	ĐỖ THÀNH TRUNG	SAU LĂNG	Triệu Thái	5	10	1200	LUC
428	PHẠM THỊ NƠI	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	1	1298	LUC
429	PHẠM VĂN PHÚC	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	2	800	LUC
430	TRIỆU VĂN NÊN	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	3	600	LUC
431	PHẠM VĂN THỂ	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	4	1000	LUC
432	PHẠM THỊ HUỆ	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	5	800	LUC
433	VŨ VĂN PHỤNG	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	6	600	LUC
434	PHẠM THỊ THUÊ	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	7	1552	LUC
435	VŨ VĂN KHẢ	SAU LĂNG	Triệu Thái	6	8	800	LUC
436	TRẦN VĂN MẠNH	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	1	800	LUC
437	VŨ VĂN HẬN	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	2	600	LUC
438	VŨ VĂN KHOAN	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	3	400	LUC
439	NGÔ VĂN DỤNG	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	4	1200	LUC
440	ĐÌNH THỊ NỞ	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	5	800	LUC
441	ĐÌNH VĂN THÌN	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	6	600	LUC
442	ĐÌNH VĂN BIÊN	SAU LĂNG	Triệu Thái	7	7	600	LUC
443	LƯƠNG VĂN SÂM	SAU LĂNG	Triệu Thái	8	1	1400	LUC
444	TRIỆU QUANG LẠI	SAU LĂNG	Triệu Thái	8	2	200	LUC
445	PHẠM THỊ DỐC	SAU LĂNG	Triệu Thái	8	3	1576	LUC
446	PHẠM VĂN KHU	SAU LĂNG	Triệu Thái	8	4	1000	LUC
447	NGUYỄN VĂN VỤ	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	1	1038	LUC
448	PHẠM TIỀN THỊNH	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	2	950	LUC
449	TRIỆU VĂN HÀ	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	3	948	LUC
450	PHẠM THỊ CHŨI	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	4	948	LUC
451	PHẠM THỊ LÀI	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	5	632	LUC
452	PHẠM THỊ VỤ(HẠ)	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	6	1096	LUC
453	PHẠM VĂN THỤ	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	7	1096	LUC
454	TRẦN VĂN MẠNH	CỬA LĂNG	Triệu Thái	1	8	728	LUC

455	ĐINH THỊ THÊU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	9	1264	LUC
456	ĐINH VĂN THU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	10	948	LUC
457	PHẠM THỊ LÊ(LUẬT)	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	11	1264	LUC
458	TRIỆU VĂN ĐẶN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	12	1166	LUC
459	PHẠM VĂN THẮNG(TÚ)	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	13	400	LUC
460	LƯƠNG VĂN SÂM	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	14	742	LUC
461	NGUYỄN VĂN THÔNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	15	271	LUC
462	PHẠM THỊ THEN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	16	1152	LUC
463	PHẠM THỊ LIỄU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	17	331	LUC
464	VŨ THỊ HƯƠNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	18	1178	LUC
465	TRIỆU THỊ NỀN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	19	948	LUC
466	PHẠM VĂN PHÚC	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	20	1336	LUC
467	PHẠM VĂN THỂ	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	21	692	LUC
468	PHẠM VĂN HẠNH	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	22	358	LUC
469	VŨ VĂN PHỤNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	23	792	LUC
470	VŨ VĂN KHẢ	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	24	1264	LUC
471	NGUYỄN THỊ NGÁT	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	25	1896	LUC
472	PHẠM THỊ THÊU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	1	26	628	LUC
473	PHẠM VĂN HỮU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	1	279	LUC
474	PHẠM THỊ LƯỢT	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	2	1264	LUC
475	PHẠM THỊ CUỘC	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	3	1264	LUC
476	TRỊNH VĂN THUẬT	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	4	712	LUC
477	ĐINH VĂN HOẢN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	5	1156	LUC
478	ĐINH VĂN XUÂN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	6	1580	LUC
479	TRỊNH VĂN CÔNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	7	822	LUC
480	TRỊNH VĂN CÔNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	8	571	LUC
481	TRIỆU VĂN ĐỖ	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	9	1714	LUC
482	TRIỆU THỊ VÊ	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	10	632	LUC
483	PHẠM VĂN THẮNG(TÚ)	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	11	1252	LUC
484	LƯƠNG VĂN SÂM	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	12	1440	LUC
485	NGUYỄN VĂN THÔNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	13	652	LUC
486	TRIỆU DUY TÁ	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	14	1152	LUC
487	ĐINH THỊ HÒA	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	15	1168	LUC
488	PHẠM THỊ LIỄU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	16	1811	LUC
489	NGUYỄN THỊ XEN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	17	948	LUC
490	PHẠM THỂ DÂN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	18	724	LUC
491	PHẠM HỒNG QUÂN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	19	1580	LUC
492	VŨ VĂN TRỊNH	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	20	1076	LUC
493	PHẠM VĂN DIỄN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	21	924	LUC
494	TRIỆU DUY THANH	CỬA LÀNG	Triệu Thái	2	22	1264	LUC
495	TRIỆU THỊ GÁI	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	1	1896	LUC
496	PHẠM VĂN HỮU	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	2	789	LUC
497	NGUYỄN VĂN THÔNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	3	1264	LUC
498	TRIỆU VĂN GIỚI	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	4	1375	LUC
499	PHẠM VĂN CẢNH	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	5	1896	LUC
500	LÊ THỊ TÂN(TẠC)	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	6	360	LUC
501	ĐINH VĂN LUYỆN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	7	540	LUC
502	PHẠM THỊ ĐIỆU(LƯ)	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	8	1360	LUC
503	LƯƠNG VĂN SÂM	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	9	1213	LUC
504	LÊ THỊ THÀ	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	10	1968	LUC
505	ĐINH VĂN PHÚC	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	11	1690	LUC
506	PHẠM TIỀN VẠN	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	12	656	LUC
507	TRIỆU VĂN THƯỢNG	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	13	656	LUC
508	NGUYỄN THỊ TÚ(THỊ)	CỬA LÀNG	Triệu Thái	3	14	1312	LUC
509	VŨ VĂN CHINH	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	1	859	LUC
510	TRIỆU DUY BIÊN	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	2	632	LUC

511	TRIỆU DUY ĐÔNG	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	3	450	LUC
512	NGUYỄN THỊ NHINH	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	4	42	LUC
513	NGUYỄN THỊ NHINH	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	5	1080	LUC
514	TRIỆU QUANG LẠI	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	6	972	LUC
515	TRIỆU QUANG LẠI	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	7	600	LUC
516	PHẠM VĂN HẬU	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	8	532	LUC
517	PHẠM VĂN HẬU	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	9	1133	LUC
518	TRẦN VĂN THẢO	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	10	948	LUC
519	NGUYỄN THỊ MÙI	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	11	468	LUC
520	TRIỆU CÔNG HIỆN	CÁNH ĐỒNG HÓA	Triệu Thái	1	12	1800	LUC
521	PHẠM THỂ DÂN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	1	1044	LUC
522	NGUYỄN THỊ NA(ĐÀ)	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	2	1580	LUC
523	NGUYỄN THỊ NA(ĐÀ)	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	3	318	LUC
524	ĐÌNH VĂN HÙNG	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	4	1484	LUC
525	PHẠM TIẾN TRỊNH	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	5	1858	LUC
526	ĐÌNH THỊ NỞ	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	6	373	LUC
527	ĐÌNH VĂN THÌN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	7	945	LUC
528	ĐÌNH VĂN BIÊN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	8	850	LUC
529	PHẠM VĂN KHU	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	9	1580	LUC
530	PHẠM THỊ DỐC(CHỈ)	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	10	776	LUC
531	PHẠM THỊ DỐC(CHỈ)	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	11	870	LUC
532	VŨ VĂN HẠN(THẨM)	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	12	948	LUC
533	VŨ VĂN KHOAN(DUNG)	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	13	632	LUC
534	ĐÌNH VĂN LUYỆN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	14	280	LUC
535	VŨ VĂN CHUNG	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	15	411	LUC
536	VŨ VĂN CHUNG	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	16	889	LUC
537	VŨ VĂN TOÀN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	17	769	LUC
538	PHẠM THỊ DÒN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	18	158	LUC
539	PHẠM THỊ THEN	SAU ĐÌNH	Triệu Thái	1	19	1200	LUC
540	PHẠM THỊ LIỄU	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	1	1580	LUC
541	LÊ THỊ MINH	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	2	1072	LUC
542	HÀ THÚY HẢO	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	3	1056	LUC
543	LƯƠNG THỊ HƠN	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	4	396	LUC
544	LƯƠNG VĂN CÒM	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	5	916	LUC
545	TRIỆU THỊ CÔI	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	6	1584	LUC
546	NGUYỄN VĂN TRẦN	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	7	468	LUC
547	LÊ VĂN HOÀNG	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	8	1320	LUC
548	PHẠM THỊ QUỲNH (TÓN)	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	9	494	LUC
549	PHẠM MINH CƯƠNG	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	10	792	LUC

550	TRIỆU CÔNG HIỆN	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	11	96	LUC
551	ĐINH THỊ KHOA	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	12	528	LUC
552	TRỊNH THỊ LUYẾN	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	13	792	LUC
553	TRỊNH VĂN KHẢI	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	14	977	LUC
554	PHẠM THỊ DÒN(MIỆN)	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	15	1056	LUC
555	ĐINH THỊ TÒNG	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	16	1584	LUC
556	PHẠM THỊ NHẬN	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	17	792	LUC
557	PHẠM THỊ THÊU(MINH)	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	18	1887	LUC
558	PHẠM HỒNG HẠNH	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	19	168	LUC
559	PHẠM HỒNG HẠNH	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	20	832	LUC
560	NGUYỄN THỊ HOA	ĐỒNG KHÓM TRONG	Triệu Thái	1	21	864	LUC

* Ghi chú: Số tờ bản đồ và số thửa đất theo bản đồ địa chính sẽ được cập nhật sau

Phạm Văn Hoan
Phạm Quang Hiệu
Triệu Công Phóng
Triệu Duy Cuộn
Vũ Văn Đó (Phương)
Triệu Duy Thủ
Vũ Văn Đông
Phạm Quang Diên
Phạm Quang Điện
Nguyễn Thị Ngân
Vũ Văn Chuẩn
Vũ Thị Dăm (Thích+ Ghi)
Vũ Văn Đạo
Vũ Văn Thà
Đoàn Thị Đê
Phạm Quang Hiệu
Phạm Quang Huy
Vũ Văn Nhất
Phạm Quang Vỉnh(Doanh)
Vũ Văn Đưa
Vũ Thị Quế
Vũ Văn Tuyển
Vũ Thị Yến
Vũ Văn Quý
Nguyễn Thị Cư
Vũ Thị Chấm
Vũ Đức Lâm
Triệu Duy Toàn (Tùng)
Triệu Duy Sang
Phạm Quốc Vín
Nguyễn Thị Chát
Trần Đình Út
Vũ Văn Tú
Đoàn Minh Thám(Thanh)
Hồ Thị Xòe
Triệu Duy Kỳ
Vũ Văn Thà
Vũ Văn Ba(Vỹ)
Phạm Thị Ngân
Triệu Duy Non
Lê Văn Ngại
Vũ Thanh Hải(Vân)
Triệu Duy Khánh
Triệu Công Me
Phạm Thị Mạch
Phạm Thị Mỡ(Điện)
Triệu Công Bằng
Phạm Thị Mạch
Lê Thị Nụ
Triệu Duy Cường
Lê Thị Bình(Sỷ)

Phạm Quang Thạch
Nguyễn Trọng Tám
Vũ Văn Tinh
Vũ Văn Tinh
Phạm Tiến Thắng
Vũ Văn Khuyến
Triệu Duy Non
Phạm Tiến Thế
Phạm Tiến Thế
Vũ Thị Ngừng
Vũ Văn Quý
Phạm Tiến Thanh
Triệu Duy Thủ(Khuyến)
Phạm Quang Điện
Phạm Thị Ngà
Vũ Văn Nham
Phạm Thị Mơ(Điện)
Vũ Văn Tinh
Vũ Văn Học
Nguyễn Thị Hường(Có)
Triệu Công Hà
Triệu Duy Non
Phạm Tiến Thắng
Phạm Văn Mát (Tân)
Nguyễn Công Ngọc
Triệu Duy Cường
Nguyễn Thị Doan
Vũ Văn Ngoi
Vũ Văn Đông
Phùng Tiến Thạo
Vũ Đức Quân
Nguyễn Hữu Đức
Nguyễn Thị Lan
Vũ Trung Dũng (Hiệp)
Triệu Thị Bè
Nguyễn Trọng Tiến
Triệu Duy Khánh
Vũ Thị Hồng Nhung (Toán)
Phạm Thị Vân
Phạm Quang Hiệu
Bùi Thị Phương (Đó)
Phạm Thị Phương (Nguru)
Triệu Duy Mão
Triệu Công Chúc

